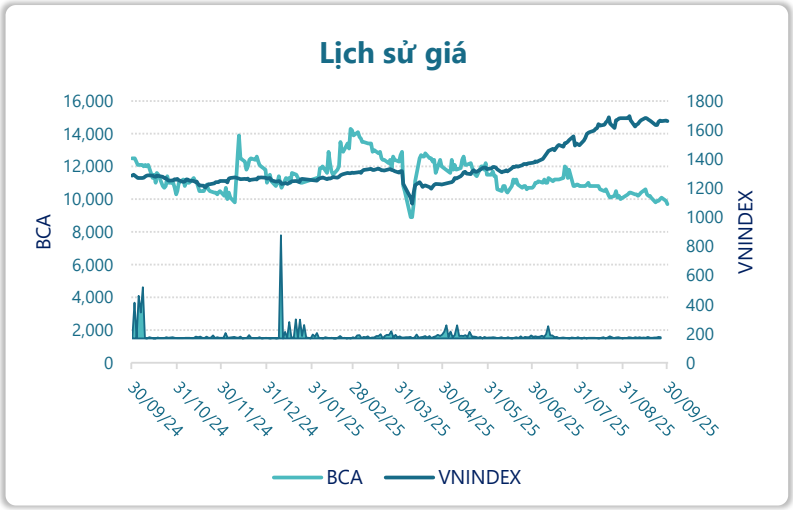
FireAnt

CTCP B.C.H (UPCOM: BCA)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,900
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	136,955
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	485
P/E	-9.7
EPS	-999

DT thuần

Q3/25

1,839

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 612| 49.8%

YoY: ▲ 223| 13.8%

LN sau thuế

Q3/25

-6.31

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.89| 12.4%

YoY: ▲ 4.89| 43.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.4%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

9T 2025

4,502

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 252| 5.9%

LN sau thuế

9T 2025

-12.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.60| 11.6%

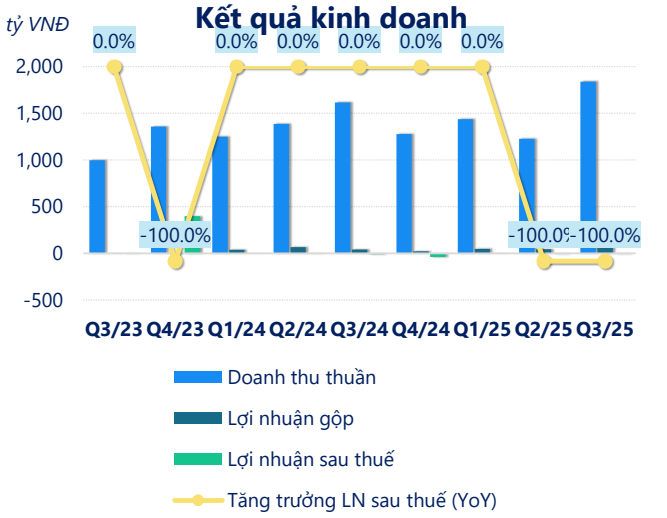
ROE

Q3/25

-6.8%

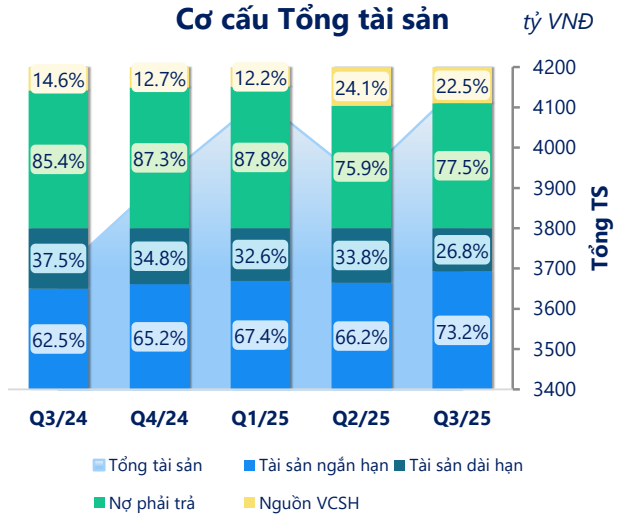
+/- YoY: ▼ 120%

Kết quả kinh doanh



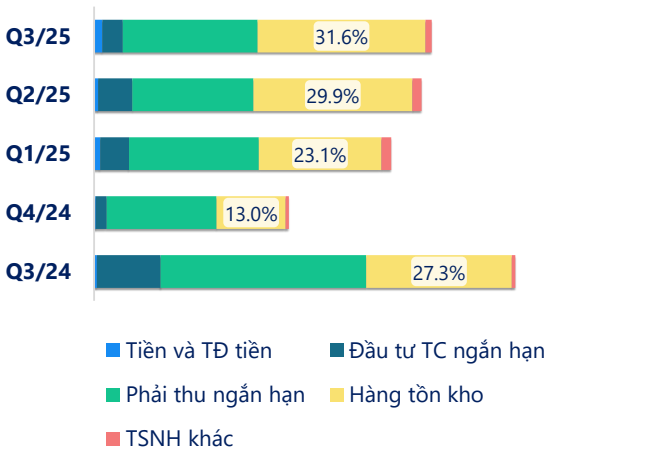
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



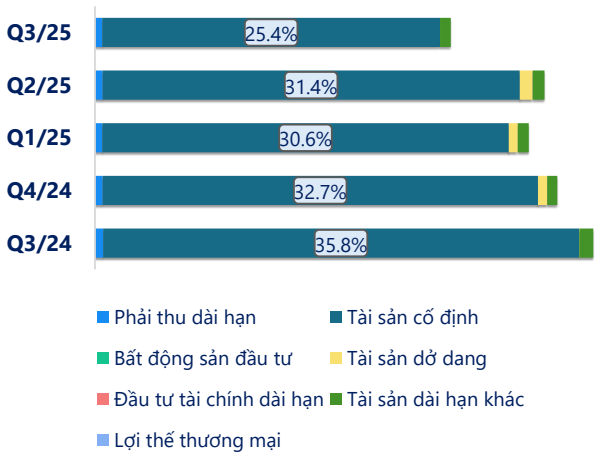
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



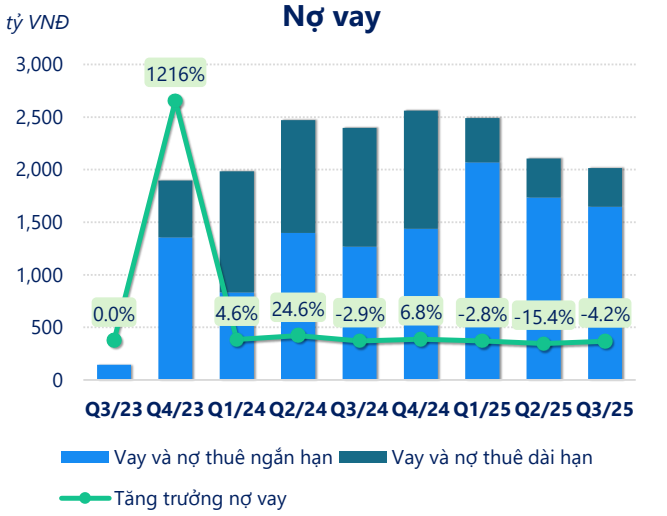
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



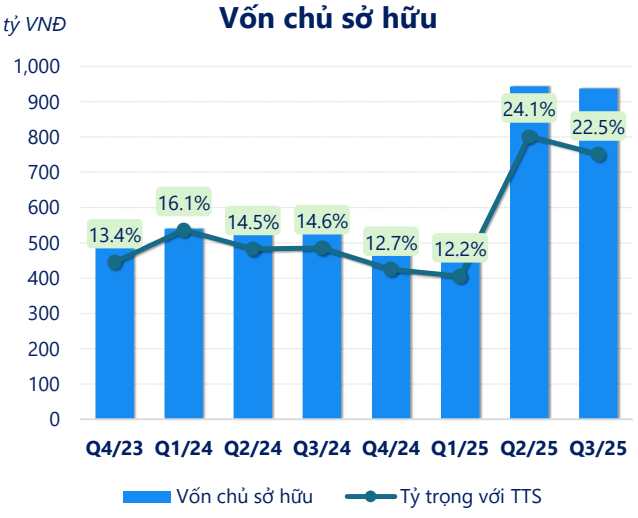
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



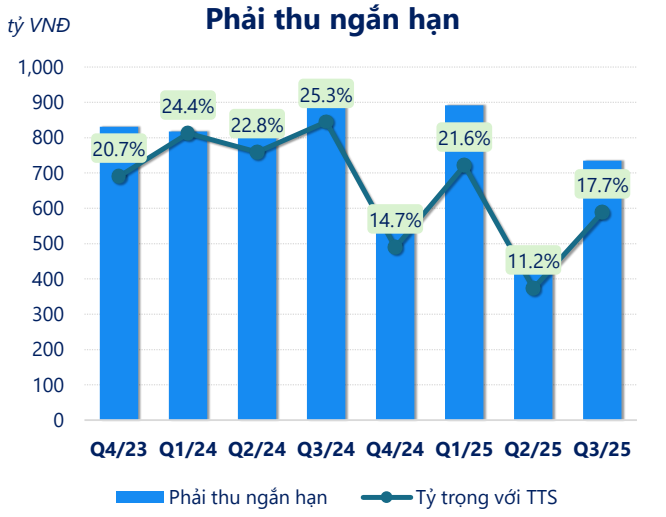
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



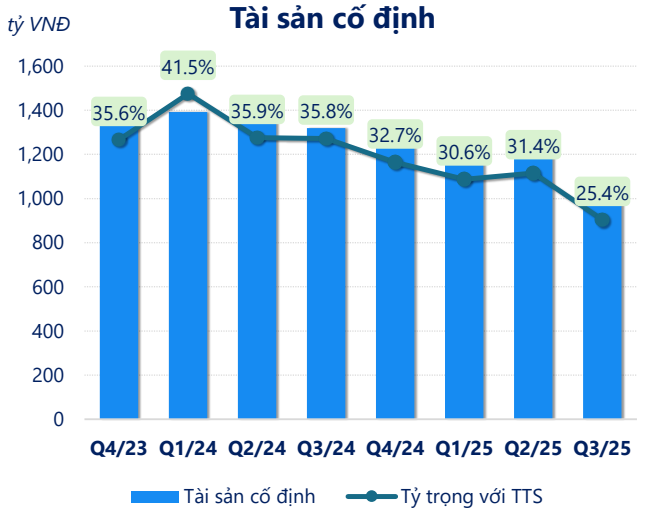
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



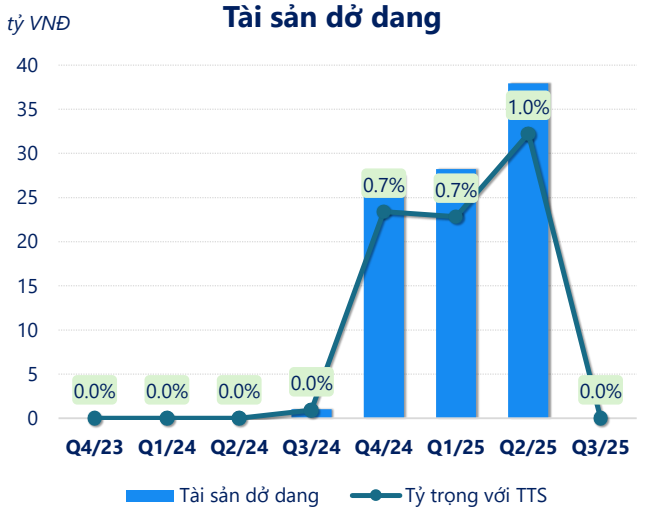
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



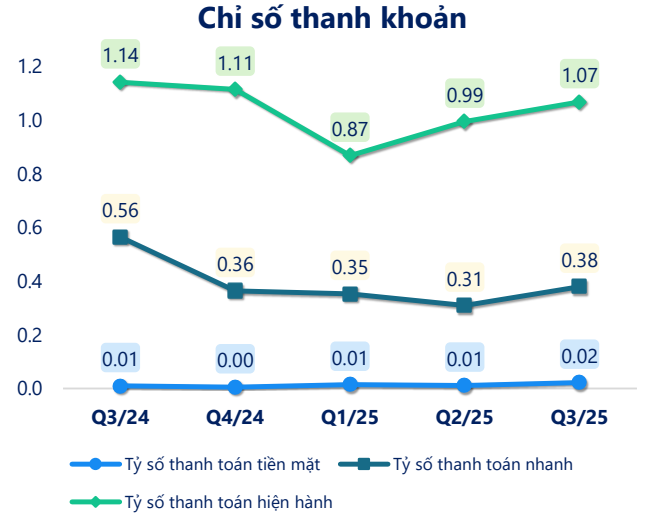
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



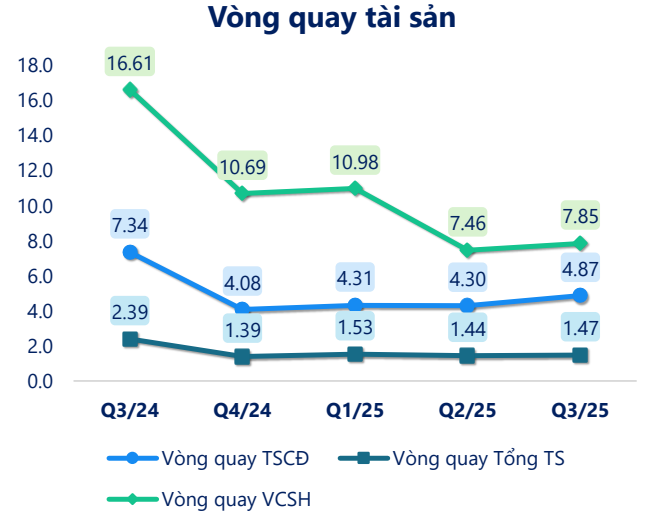
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**3,684**	**3,915**	**4,120**	**3,922**	**4,161**
Tài sản ngắn hạn	**2,303**	**2,553**	**2,776**	**2,596**	**3,048**
Tiền và tương đương tiền	19.4	11.3	46.1	29.7	63.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	143	143	112	252	222
Phải thu ngắn hạn	934	575	892	439	735
Hàng tồn kho	1,164	1,719	1,646	1,788	1,964
Tài sản ngắn hạn khác	42.7	105	79.3	85.8	64.5
Tài sản dài hạn	**1,381**	**1,362**	**1,345**	**1,326**	**1,113**
Phải thu dài hạn	22.5	22.5	22.5	22.5	22.5
Tài sản cố định	1,319	1,282	1,260	1,231	1,058
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.01	27.5	28.2	37.9	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	39.1	30.0	34.0	35.3	32.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,148**	**3,417**	**3,619**	**2,978**	**3,224**
Nợ ngắn hạn	**2,018**	**2,292**	**3,198**	**2,609**	**2,855**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,268	1,437	2,068	1,736	1,647
Phải trả người bán ngắn hạn	400	780	912	692	1,126
Nợ dài hạn	1,130	1,125	421	369	369
Vay và nợ thuê dài hạn	1,130	1,125	421	369	369
Nguồn vốn chủ sở hữu	**536**	**498**	**501**	**943**	**937**
Vốn chủ sở hữu	**536**	**498**	**501**	**943**	**937**
Vốn điều lệ	190	190	190	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)